

BÀI 8. LIÊN BANG NGA (tiếp theo)

Tiết 2. KINH TẾ

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3. Nền kinh tế đang khôi phục lại vị trí cường quốc

a. Chiến lược kinh tế mới

* Từ năm 2000, LB Nga bước vào thời kì chiến lược mới:

- Đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng
- Xây dựng nền kinh tế thị trường
- Mở rộng ngoại giao, coi trọng Châu Á
- Nâng cao đời sống nhân dân
- Khôi phục lại vị trí cường quốc

b. Những thành tựu đạt được sau năm 2000

- Sản lượng các ngành kinh tế tăng
- Dự trữ ngoại tệ lớn thứ tư thế giới (năm 2005)
- Thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài nước ngoài
- Xuất siêu
- Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện
- Vị thế ngày càng nâng cao trên trường quốc tế
- Hiện nay nằm trong nhóm nước có nền công nghiệp hàng đầu thế giới (G8)

* *Khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế.*

- Sự phân hóa giàu nghèo
- Nạn chảy máu chất xám

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Công nghiệp

- Là ngành xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga.
- Cơ cấu công nghiệp ngày càng đa dạng, bao gồm các ngành công nghiệp truyền thống và các ngành công nghiệp hiện đại.

	Công nghiệp truyền thống	Công nghiệp hiện đại
Cơ cấu	Công nghiệp năng lượng, chế tạo máy, luyện kim đen, luyện kim màu, khai thác vàng và kim cương, khai thác gỗ và sản xuất giấy, bột xenlulo.	Điện tử - tin học, hàng không, công nghiệp vũ trụ, nguyên tử.
Phân bố	Đồng bằng Đông Âu, Uran, Tây Xibia và dọc các đường giao thông quan trọng.	Vùng Trung tâm, Uran, Sanpetecpua....

Ngành thế mạnh	Khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn, mang lại nguồn tài chính lớn. Liên bang Nga đứng đầu thế giới về sản lượng khai thác.	Công nghiệp quốc phòng.
-----------------------	--	-------------------------

2. Nông nghiệp: có sự tăng trưởng

- Quỹ đất nông nghiệp lớn (200 triệu ha), thuận lợi phát triển cả trồng trọt và chăn nuôi.
- Sản xuất nông sản tăng, đặc biệt là sản xuất lương thực, ngoài ra sản lượng cây CN, cây ăn quả....đều tăng trưởng.

3. Dịch vụ

- Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tương đối phát triển với đủ loại hình
- + Hệ thống đường sắt xuyên Xibia và BAM (Baikan – Amua) đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng Đông Xibia.
- + Hệ thống xe điện ngầm nổi tiếng ở Moscow.
- Kinh tế đối ngoại là ngành quan trọng. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng và trở thành nước xuất siêu.
- Moscow và Saint Petersburg là 2 trung tâm dịch vụ lớn nhất nước.

BÀI 9. NHẬT BẢN

- Diện tích: 378 nghìn km².
- Dân số: 127,6 triệu người (năm 2017).
- Thủ đô: Tokyo

Tiết 1. TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

ĐẶC ĐIỂM	
1. Vị trí địa lý	- Là quần đảo nằm ở Đông Á, gồm 4 đảo lớn (Hokkaido, Honshu, Shikoku, Kyushu) và hàng nghìn đảo nhỏ.
2. Các yếu tố tự nhiên	- Đường bờ biển dài, bị chia cắt mạnh, nhiều vũng, vịnh. - Có dòng nóng và lạnh gặp nhau tạo nên ngư trường lớn với nhiều loại cá
	Khí hậu gió mùa, mưa nhiều + phía bắc có khí hậu ôn đới, mùa đông dài lạnh, có tuyết rơi + phía nam có khí hậu cận nhiệt đới, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng.
	- Địa hình chủ yếu đồi núi chiếm 80%, chủ yếu là núi lửa (Có hơn 80 núi lửa đang hoạt)

	- Đồng bằng ven biển hẹp nên thiếu đất nông nghiệp.
	- Sông ngòi: Ngắn, dốc như. (sông : Sina, Ixicaró...) nên có giá trị thủy điện lớn.
	- Khoáng sản: nghèo (trừ than đá và đồng)

=>Đánh giá chung:

+ Thuận lợi: Phát triển nền kinh tế mở, phát triển ngành đánh bắt thủy hải sản, ngành GTVT biển.

+ Khó khăn: Hay xảy ra thiên tai: Động đất, núi lửa, sóng thần, bão, lũ,..

II. DÂN CƯ

- Là nước đông dân , dân cư tập trung tại các thành phố ven biển.

- Tốc độ gia tăng dân số hàng năm thấp và đang giảm. Tỷ lệ người già ngày càng lớn dẫn đến thiếu lao động và chi phí phúc lợi xã hội tăng.

- Người lao động cần cù, làm việc tích cực với ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm cao

- Giáo dục rất được chú trọng đầu tư.

BÀI 9. NHẬT BẢN (tiếp theo)

Tiết 2. CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ

I. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Công nghiệp

- Giá trị sản lượng đứng thứ 2 thế giới, sau Hoa Kỳ.

- Chiếm vị trí cao về sản xuất máy công nghiệp, điện tử, người máy, tàu biển....

- Mức độ tập trung công nghiệp cao.

- Các trung tâm công nghiệp tập trung chủ yếu ở ven biển, đặc biệt ở phía đông đảo Honshu.

- Các ngành chính: Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng, dệt.

2. Dịch vụ

- Là khu vực kinh tế quan trọng, chiếm 68% giá trị GDP (năm 2005)

- Thương mại và tài chính là 2 ngành có vai trò hết sức to lớn

- Đứng thứ tư trên thế giới về thương mại (sau Hoa Kỳ, Đức và Trung Quốc).

- Nhiều bạn hàng trên thế giới nhưng quan trọng nhất là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, các nước Đông Nam Á....

- Giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng, đứng thứ 3 trên thế giới với các cảng lớn là Cô-bê, I-ô-cô-ma-ha, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca.....

- Đứng hàng đầu trên thế giới về tài chính, ngân hàng.

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ngày càng phát triển.

3. Nông nghiệp

a. Đặc điểm

- Có đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế (chỉ chiếm khoảng 1% trong GDP).
- Diện tích đất nông nghiệp ít (gần 14% lãnh thổ).
- Nền nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, ứng dụng nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng chất lượng nông sản.
- Chăn nuôi tương đối phát triển, chăn nuôi theo các phương pháp tiên tiến trong các trang trại.
- Đánh bắt hải sản phát triển, sản lượng hàng đầu thế giới, kỹ thuật đánh bắt hiện đại.
- Nuôi trồng hải sản được chú trọng phát triển.

b. Phân loại

- Trồng trọt
 - + Lúa gạo là cây trồng chính, chiếm 50% diện tích đất canh tác nhưng đang có xu hướng giảm.
 - + Cây công nghiệp: Chè, thuốc lá, dâu tằm
- Chăn nuôi: chủ yếu là bò, lợn, gà.
- Thủy sản
 - + Đánh bắt hải sản chủ yếu là cá thu, cá ngừ, tôm, cua.
 - + Nuôi trồng hải sản: tôm, sò, ốc, rau câu, trai lấy ngọc,....

BÀI 10. CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

- Diện tích: 9572,8 nghìn km².
- Dân số: 1433.7 triệu người (2019)
- Thủ đô: Bắc Kinh.

Tiết 1. TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí, lãnh thổ

- Nằm ở phía Đông và Trung Á, diện tích đứng thứ 4 thế giới
- Lãnh thổ trải dài từ khoảng 20⁰B đến 53⁰B, khoảng từ 73⁰Đ đến 135⁰Đ
- Ba mặt giáp với 14 nước biên giới chủ yếu là núi cao, hoang mạc; Phần phía đông giáp biển, mở rộng ra Thái Bình Dương với đường bờ biển dài khoảng 9000km.
- Cả nước có 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.
- Ven biển có 2 đặc khu hành chính là Hồng Kông và Ma Cao
- Đảo Đài Loan tách khỏi lãnh thổ Trung Quốc từ năm 1949

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

- Sự đa dạng của tự nhiên được thể hiện qua sự khác biệt giữa miền Đông và miền Tây.
- Ranh giới giữa miền Đông và miền Tây là kinh tuyến 105⁰ Đ

Nhân tố	Miền Đông	Miền Tây
---------	-----------	----------

Địa hình – Đất đai	- Đồng bằng châu thổ rộng lớn ở ven biển Hoa Nam, Hoa Trung, Hoa Bắc, Đông Bắc và đồi thấp ở phía Tây. - Đất hoang thổ, đất phù sa màu mỡ có giá trị trong trồng trọt.	- Gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn bồn địa, nhiều hoang mạc và bán hoang mạc. - Đất núi cao và cát hoang mạc.
Khí hậu	- Ở phía Bắc khí hậu ôn đới và phía Nam khí hậu cận nhiệt. - Lượng mưa lớn, tập trung vào mùa hè.	Ôn đới và cận nhiệt lục địa khắc nghiệt với biên độ nhiệt lớn.
Sông ngòi	- Sông lớn, nhiều nước. - Hạ lưu các sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang	Thượng lưu các sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang
Tài nguyên khoáng sản	- Khoáng sản đa dạng, có trữ lượng lớn, đặc biệt là than, sắt, kim loại màu.	- Giàu khoáng sản, đặc biệt là than, sắt, dầu mỏ.
Thuận lợi	Phát triển nông nghiệp, công nghiệp khai thác và luyện kim. Phát triển GTVT biển	Trồng rừng, chăn nuôi. Phát triển công nghiệp khai khoáng và luyện kim. Phát triển thủy điện
Khó khăn	Bão, lụt (nhất là đồng bằng Hoa Nam).	- Động đất, lũ, hạn hán, bão cát.... - Khí hậu khắc nghiệt - Giao thông khó khăn.

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

- Dân số 1433.7 triệu người (2019), chiếm gần 1/5 dân số thế giới.
- TQ thi hành chính sách DS triệt để => tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm, đồng thời tư tưởng trọng nam khinh nữ => tiêu cực đến giới tính, nguồn lao động và các vấn đề xã hội khác
- Cơ cấu dân số trẻ
- Tỷ lệ dân thành thị thấp và tăng dần, chiếm khoảng 50% dân số.
- Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông
- Nhiều dân tộc (56 dân tộc), trong đó người Hán chiếm hơn 90% dân số.

PHẦN KỸ NĂNG

1. Vẽ biểu đồ đường
2. Tính tỉ trọng, tính tốc độ tăng trưởng
3. Phân tích lược đồ, Atlat....